

Số: **234** /GPMT-UBND

Ninh Hòa, ngày **16** tháng **01** năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ POMGROUP tại các văn bản số 15/2024/CV-POMGROUP ngày 30 tháng 12 Năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ POMGROUP và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ...../ **243** ngày **10** tháng **01** năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ POMGROUP, địa chỉ tại thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ POMGROUP tại thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên dự án: Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ POMGROUP.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 4201863571 đăng ký lần đầu ngày 25/9/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/8/2023 do Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

1.4. Mã số thuế: 4201863571.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất đồ uống không cồn.

1.6. Công suất của dự án: 3.120.000 sản phẩm (lon/hũ) nước yến/năm; 16.848 hộp (loại 54 hộp x 10 túi/hộp) trà dược liệu thái mộc; 1.248.00 sản phẩm trà lon/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ POMGROUP được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại dịch vụ POMGROUP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND thị xã Ninh Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Ninh Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thị xã Ninh Hòa.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận (VBĐT):**

- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ POMGROUP;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Ninh Tân;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND thị xã;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Minh Tâm

## Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...234/GPMT-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2025 của UBND thị xã Ninh Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt hoạt động từ nhà ăn.
- Nguồn số 3: Nước thải từ hoạt động sản xuất.
- Nguồn số 4: Nước thải từ xả cặn nồi hơi.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày\_đêm được xả vào hệ thống thoát nước mưa trên đường Tỉnh lộ 5 phía Đông của cơ sở thuộc thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Đầu ra hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày\_đêm của cơ sở thuộc thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>):

STT	Vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN2000, 108 <sup>0</sup> 15' múi chiếu 3 <sup>0</sup>	X (m)	Y (m)
1	Đầu ra hệ thống xử lý nước thải của cơ sở	1378215.50	584081.99

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy theo đường ống nhựa PVC D90 dài 10m, ống nhựa PCV D114 dài 64m ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước mưa trên đường Tỉnh lộ 5 phía Đông của cơ sở.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K<sub>q</sub> = 0,9, K<sub>f</sub> = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5-9	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
2	BOD5	mg/l	54	03 tháng/lần
3	COD	mg/l	162	
4	TSS	mg/l	108	06 tháng/lần
5	Amoni	mg/l	10,8	
6	Tổng N	mg/l	43,2	
7	Tổng P	mg/l	6,48	
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8	
9	Coliform	MPN/100ml	5.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh: Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó nước thải dẫn theo đường ống PVC D150 về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày\_đêm.

- Nước thải từ hoạt động của nhà ăn: Được thu gom bằng đường ống PVC D150 về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày\_đêm.

- Nước thải từ hoạt động sản xuất: Được thu gom bằng đường ống PVC D150 về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày\_đêm.

- Nước thải từ xả cặn nổi hơi: Được thu gom bằng đường ống PVC D150 về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày\_đêm/

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải đầu vào (từ nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ nhà ăn, nước thải sản xuất, nước thải lò hơi) → giỏ tách rác → bể điều hòa → bể SBR1 - bể SBR2 → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước mưa trên đường Tỉnh lộ 5 phía Đông của cơ sở.

- Công suất thiết kế: 20 m<sup>3</sup>/ngày\_đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (72kg/năm).

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian, vận hành thử nghiệm: 01 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại phần A Phụ lục này):

- Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước.
- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này):

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B
1	pH	-	5,5-9
2	BOD5	mg/l	54
3	COD	mg/l	162
4	TSS	mg/l	108
5	Amoni	mg/l	10,8
6	Tổng N	mg/l	43,2
7	Tổng P	mg/l	6,48
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8
9	Coliform	MPN/100ml	5.000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả với tần suất 01 ngày/01 lần.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có đồng hồ đo lưu lượng xử lý nước thải, sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

## Phụ lục 2

## NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 234./GPMT-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2025 của UBND thị xã Ninh Hòa)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi 500kg/giờ.

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Dòng khí thải thoát qua ống khói lò hơi công suất 500 kg hơi/giờ.

2.1. Vị trí xả khí thải: Thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 1378214.93; Y(m) = 584096.49 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108<sup>0</sup>15' múi chiều 3<sup>0</sup>). Khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn thoát vào môi trường không khí tại khu vực cơ sở.

2.2. Lưu lượng xả khí thải: 2.000 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả thải gián đoạn theo thời gian hoạt động của lò hơi.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Lưu lượng, bụi tổng, CO, H<sub>2</sub>S, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> đạt giá trị theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K<sub>p</sub>=1,0; K<sub>v</sub>=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng (mg/Nm <sup>3</sup> )	-	192	06tháng/lần
2	CO (mg/Nm <sup>3</sup> )	mg/l	960	
3	SO <sub>2</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )	mg/l	480	
4	NO <sub>x</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )	mg/l	816	06tháng/lần
5	H <sub>2</sub> S (mg/Nm <sup>3</sup> )	mg/l	7,2	
6	Lưu lượng khí thải (m <sup>3</sup> /h)	mg/l	-	

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải lò hơi → Giảm nhiệt độ khí thải bằng quạt thổi không khí từ bên ngoài vào → Ống dẫn khí có bố trí gờ chữ A cuối đường ống để giữ lại hạt bụi → Khay hứng bụi → Hấp phụ khí thải bằng tấm than hoạt tính → Ống khói 7,5m → Môi trường

- Công suất thiết kế: 2.000m<sup>3</sup>/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dầu DO.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Cơ sở có sử dụng hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là dầu DO thuộc đối tượng được miễn vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

## Phụ lục 3

**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...934.../GPMT-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2025  
của UBND thị xã Ninh Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ phân xưởng sản xuất nước yến.
- Nguồn số 02: Từ phân xưởng sản xuất trà.
- Nguồn số 03: Khu vực lò hơi 500kg/h.
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  
trục 1108<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup>):**

- Nguồn số 01: X(m) = 1378245.05; Y(m) = 584098.52
- Nguồn số 02: X(m) = 1378245.44; Y(m) = 584129.02
- Nguồn số 03: X(m) = 1378214.93; Y(m) = 584096.49
- Nguồn số 04: X(m) = 1378215.50; Y(m) = 584081.99

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Tiếng ồn khu vực thông thường
2	70	66	-	Độ rung khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

1. Các nguồn thải phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **2.34**.../GPMT-UBND ngày **16** tháng **01** năm **2025** của  
UBND thị xã Ninh Hòa)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	06
2	Các loại dầu động cơ, hộ số và bôi trơn thải khác	17 02 03	10
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	03
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	02
<b>Tổng cộng</b>			<b>21</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 13,5 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường: 5,4 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Từng loại chất thải nguy hại được bố trí trong từng thùng chứa riêng biệt dung tích 50-120L, có nắp đậy, bố trí thùng chứa có vỏ cứng đảm bảo kín khí, không bị nước mưa lọt vào; bảo đảm lưu chứa an toàn CTNH, có gia cố, thiết kế tránh rò rỉ chất thải; kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải lưu chứa trong quá trình sử dụng; có biển dấu hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến CTNH. Thiết bị lưu chứa tuân thủ theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa: 09m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: có mái che, có thùng, bao chứa chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Có trang bị các thiết bị, dụng cụ và vật liệu phòng cháy, chữa cháy.

Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác loại 50 lít, 120 lít đặt tại các khu sản xuất, văn phòng, nhà ăn, kho hàng, ... trong khuôn viên cơ sở.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt được bố trí 03 thùng chứa rác loại 200 lít, có nắp đậy đặt gần kho chứa chất thải rắn nguy hại và hệ thống xử lý nước thải. Đến giờ thu gom rác thải sinh hoạt cơ sở sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

**2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:** Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ quá trình sản xuất của Cơ sở được phân loại, thu gom vận chuyển về kho chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 06m<sup>2</sup>.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường sau khi lưu giữ sẽ được bán lại cho các đơn vị có nhu cầu tái chế, tái sử dụng.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:** không.